TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: 124/2024/QĐST-HNGĐ	*Hòa Vang, ngày 31 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 203/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Thành B, sinh năm 1982 và bà Trần Thị H, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: Thôn P, xã Hòa K, huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Các đương sự đã tự thỏa thuận như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành B và bà Trần Thị H thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Nguyễn Thành B và bà Trần Thị H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn T, sinh ngày: 17/9/2005 và Nguyễn T1, sinh ngày 11/7/2014. Ly hôn, ông Nguyễn Thành B và bà Trần Thị H tự nguyện thỏa thuận:

Giao con Nguyễn T1, sinh ngày 11/7/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000đ (sáu triệu đồng), thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 8/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi; đối với con Nguyễn T, sinh ngày: 17/9/2005 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thành B và bà Trần Thị H: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Thành B và bà Trần Thị H: Không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000 đồng, ông Nguyễn Thành B và bà Trần Thị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền lệ phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông B và bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0002196 ngày 18/7/2024. Ông B và bà H đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành B và bà Trần Thị H thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn T1, sinh ngày 11/7/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000đ (sáu triệu đồng), thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 8/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi; đối với con Nguyễn T, sinh ngày: 17/9/2005 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

II. *Lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000 đồng*, ông Nguyễn Thành B và bà Trần Thị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền lệ phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông B và bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0002196 ngày 18/7/2024. Ông B và bà H đã nộp đủ lệ phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hòa V;
- Chi cục THADS huyện Hòa V;
- UBND xã Hòa K, huyện Hòa V
(Đăng ký kết hôn số 02 ngày 19/01/2005);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Anh